TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3-HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2026/LĐ-ST
Ngày 11-02-2026
V/v tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Minh Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Phin

Ông Trần Ngọc Hải

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đỗ Thị Tình - Thư ký Tòa án khu vực 3-Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3-Hải Phòng tham gia phiên tòa***: Bà Trịnh Thị Nhật Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3-Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2026/TLST-LĐ ngày 05 tháng 01 năm 2026 về việc "Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2026/QĐXXST-LĐ ngày 27 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị T, sinh ngày 12 tháng 6 năm 1988, số căn cước công dân: ; Nơi cư trú: Đội 8, thôn Ch, xã A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH T; địa chỉ: Lô đất G, Khu Công nghiệp - Hải Phòng, phường H, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông R, Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty TNHH T; vắng mặt.

-*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Nguyễn Thị Th, sinh ngày 15 tháng 4 năm 1985, số căn cước công dân: ; Nơi cư trú: Đội 7, thôn Ph, xã A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Bảo hiểm xã hội cơ sở A; địa chỉ: Số 16, đường , phường A, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội cơ sở A: Ông Nguyễn Văn H, Chức vụ: Phó Giám đốc Bảo hiểm xã hội cơ sở A (Giấy ủy quyền số 23/GUQ-BHXH ngày 21 tháng 01 năm 2026); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26 tháng 12 năm 2025, tại Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai, trong quá trình tố tụng, Nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:

Chị Nguyễn Thị Th là người cùng làng, có quen biết với chị, do chị Th không có giấy tờ làm hồ sơ xin việc nên mượn giấy tờ tùy thân của chị (chứng minh nhân dân và bằng tốt nghiệp cấp 3). Do thiếu hiểu biết nên chị đã cho mượn giấy tờ tùy thân với mục đích hỗ trợ chị Th có việc làm, không nhằm mục đích khác.

Tháng 02 năm 2008, chị Nguyễn Thị Th đã mượn hồ sơ cá nhân của chị để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH T, địa chỉ: Khu Công nghiệp Nh - Hải Phòng, Phường H, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị Th là người làm việc trực tiếp tại Công ty và tham gia đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo sổ BHXH số tại Bảo hiểm xã hội huyện A (nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở A), nhưng sử dụng tên của chị - Phạm Thị T và đóng bảo hiểm xã hội trong thời gian từ tháng 02 năm 2008 đến 03 năm 2011, không phải do chị đóng. Chị không làm việc tại Công ty TNHH T ngày nào.

Cùng thời điểm đó, chị làm việc tại Công ty TNHH Y, Khu công nghiệp Nh và tham gia đóng BHXH với mã số mang tên Phạm Thị T. Cụ thể, quá trình chị tham gia đóng Bảo hiểm xã hội từ tháng 02 năm 2007 đến tháng 3 năm 2025 như sau:

- Từ tháng 02 năm 2007 đến tháng 3 năm 2025: 18 năm 02 tháng tham gia bảo hiểm xã hội, làm Công nhân sản xuất, Công ty TNHH Y; địa chỉ: Khu Công nghiệp Nh. Chị đã thanh toán tiền bảo hiểm thất nghiệp nhưng chị chưa thanh toán tiền bảo hiểm xã hội một lần.

Như vậy, trong cùng khoảng thời gian trên, chị còn bị ghi nhận đóng bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH T, dẫn đến việc trùng thời gian đóng bảo hiểm xã hội tại hai tổ chức (từ tháng 02 năm 2008 đến tháng 03 năm 2011). Việc trùng lặp này đã ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của chị trong quá trình giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội vì trên hệ thống bảo hiểm xã hội chị có hai sổ bảo hiểm xã hội. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết: Tuyên Hợp đồng lao động được giao kết giữa Công ty TNHH T và chị Nguyễn Thị Th (sử dụng tên Phạm Thị T) từ tháng 02 năm 2008 đến tháng 3 năm 2011 là hợp đồng vô hiệu.

Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu và nhận chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm.

Tại Công văn số 02-26 ngày 21 tháng 01 năm 2026, bị đơn Công ty TNHH T trình bày: Công ty TNHH T xác nhận có giao kết hợp đồng lao động với người lao động tên Phạm Thị T, sinh ngày 12 tháng 6 năm 1988, số sổ bảo hiểm xã hội: , số chứng minh nhân dân; địa chỉ thường trú tại xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương. Chị

Phạm Thị T làm việc tại Công ty và tham gia đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 02 năm 2008 đến tháng 3 năm 2011; chị Phạm Thị T đã nghỉ việc tại Công ty từ năm 2011. Theo quy định về lưu trữ hồ sơ tuyển dụng của Công ty, hồ sơ liên quan đến chị Phạm Thị T đã không còn được lưu trữ. Công ty đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và đề nghị giải quyết vắng mặt tại các buổi làm việc, các phiên họp và các phiên tòa liên quan đến vụ án.

Tại Bản tự khai và Biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Th trình bày: Vào tháng 02 năm 2008, chị có mượn hồ sơ cá nhân của chị Phạm Thị T để ký kết hợp đồng lao động làm việc tại Công ty TNHH T; địa chỉ tại Lô đất G, khu công nghiệp Nh, phường H thành phố Hải Phòng từ tháng 02 năm 2008 đến tháng 3 năm 2011 theo như chị T đã trình bày là đúng. Trong thời gian chị làm việc tại Công ty TNHH T thì chị và Công ty TNHH T đều tham gia đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc tại Bảo hiểm xã hội huyện A (nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở A).

Đến tháng 3 năm 2011, chị nghỉ việc tại Công ty TNHH T và không tham gia đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc nữa. Từ sau khi chị nghỉ việc đến nay, chị chưa thanh toán bất kỳ khoản tiền bảo hiểm nào tại Bảo hiểm xã hội huyện A (nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở A). Nay chị Phạm Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động được giao kết giữa chị là Nguyễn Thị Th (sử dụng tên Phạm Thị T) với Công ty TNHH T thời gian từ tháng 02 năm 2008 đến tháng 3 năm 2011 là hợp đồng vô hiệu, chị có quan điểm đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị T, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của Hợp đồng lao động vô hiệu.

Tại Công văn số 28/BHXH ngày 21 tháng 01 năm 2026, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở A trình bày: Qua tra cứu trên hệ thống dữ liệu Bảo hiểm xã hội, chị Phạm Thị T, sinh ngày 12 tháng 6 năm 1988, Chứng minh nhân dân số , mã số Bảo hiểm xã hội tham gia đóng bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH T từ tháng 02 năm 2008 đến tháng 3 năm 2011 và đóng bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 01 năm 2009 đến tháng 3 năm 2011. Thời gian đóng bảo hiểm xã hội vào quỹ hưu trí tử tuất đến tháng 3 năm 2011 là 03 năm 02 tháng. Thời gian đóng bảo hiểm xã hội vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp đến tháng 3 năm 2011 là 02 năm 03 tháng. Mã số Bảo hiểm xã hội căn cước công dân số tham gia đóng bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH Y từ tháng 02 năm 2007 đến tháng 3 năm 2025 và đóng bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 7 năm 2007 đến tháng 3 năm 2025. Thời gian đóng bảo hiểm xã hội vào quỹ hưu trí tử tuất đến tháng 3 năm 2025 là 18 năm 02 tháng. Thời gian đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp không có (do đã hưởng hết chế độ bảo hiểm thất nghiệp).

Nay chị Phạm Thị T yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, Bảo hiểm xã hội cơ sở A đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bảo hiểm xã hội cơ sở A không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của Hợp đồng lao động vô hiệu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3-Hải Phòng phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng

xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện các thủ tục tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 5 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 15, khoản 2 Điều 16, điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động năm 2019, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T, tuyên bố hợp đồng lao động chị Nguyễn Thị Th sử dụng thông tin cá nhân của chị Phạm Thị T để ký với Công ty TNHH T là vô hiệu.

Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn chị Phạm Thị Tuyến khởi kiện Công ty TNHH T yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, đây là vụ án "Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" quy định tại khoản 5 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có trụ sở tại phường H, thành phố Hải Phòng, nên theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 3-Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ lời khai của các đương sự, căn cứ các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ căn cứ để xác định: Vào thời gian từ tháng tháng 02 năm 2008 đến tháng 03 năm 2011, chị Nguyễn Thị Th đã mượn hồ sơ cá nhân của chị Phạm Thị T để giao kết hợp đồng lao động vào làm việc và tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH T với tên Phạm Thị T. Do đó, chị Phạm Thị T, sinh ngày 12 tháng 6 năm 1988, Chứng minh nhân dân số , mã số Bảo hiểm xã hội. Việc chị Nguyễn Thị Th sử dụng hồ sơ cá nhân của chị Phạm Thị T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH T là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi giao kết hợp đồng lao động đã vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau, quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994; vi phạm điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự, quy định tại Điều 122 Bộ luật Dân sự năm 2005. Do vậy, hợp đồng lao động được hai bên giao kết là hợp đồng không có hiệu lực và căn cứ các điều 122, 127 và 136 Bộ luật Dân sự năm 2005, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố hợp đồng lao động được giao kết giữa chị Nguyễn Thị Th (sử dụng tên Phạm Thị T) với Công ty TNHH T trong thời gian từ tháng 02 năm 2008 đến tháng 3 năm 2011 là hợp đồng vô hiệu.

[4] Về hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự không có ai yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[5] Về án phí: Xét, Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm nên chấp nhận.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn pháp luật quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 127, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994; Điều 50 và Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị T. Tuyên bố hợp đồng lao động được giao kết giữa chị Nguyễn Thị Th (sử dụng tên Phạm Thị T) với Công ty TNHH T trong thời gian từ tháng 02 năm 2008 đến tháng 3 năm 2011 là hợp đồng vô hiệu.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí lao động sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí lao động chị Phạm Thị T đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000034 ngày 05 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Phạm Thị T đã nộp đủ án phí lao động sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND khu vực 3-HP;
- Phòng THA DS KV3-HP;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trương Minh Huế

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Kim Thu Nguyễn Thị Phin Trương Minh Huế